

Số: **1081** /CTTQU-TTHT

Tuyên Quang, ngày **16** tháng 9 năm 2022

V/v chính sách thuế GTGT, hóa đơn

Kính gửi: Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại tổng hợp THA

Mã số thuế: 5000883675

Địa chỉ: Số nhà 206, đường Bình Thuận, tổ 9, phường
Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Ngày 12/9/2022 Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang nhận được Công văn số 02/CV-THA của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Thương mại tổng hợp THA (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc đề nghị giải đáp vướng mắc. Vấn đề này Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang có ý kiến như sau:

1. Về thuế suất và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa xuất khẩu

- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, quy định:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu;

...

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này. ...”

- Tại Điều 1, Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính, quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 23 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính) như sau:

“23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên, trừ một số trường hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP. ...”

“Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính) như sau:

“4. Hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

a) Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

Cơ sở kinh doanh trong tháng/quý vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ bán trong nước thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế GTGT đầu vào hạch toán riêng được và số thuế GTGT đầu vào được phân bổ theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10% ...”

- Tại Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, quy định:

“Điều 16. Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (trừ các trường hợp hướng dẫn Điều 17 Thông tư này) để được khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT đầu vào phải có đủ điều kiện và các thủ tục nêu tại khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 15 Thông tư này, cụ thể như sau:

1. *Hợp đồng bán hàng hoá, gia công hàng hóa (đối với trường hợp gia công hàng hóa), cung ứng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. ...*

2. *Tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. ...*

3. *Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng ...”*

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty có hoạt động xuất khẩu sản phẩm tài nguyên, khoáng sản đáp ứng quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC đồng thời không thuộc trường hợp quy định tại Điều 1 Thông tư số 25/2018/TT-BTC thì khi xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

Trường hợp Công ty có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ của hàng hóa xuất khẩu đáp ứng các quy định tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC, Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì Công ty được hoàn thuế giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu theo quy định.

2. Về xử lý hóa đơn có sai sót

- Tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

“ Điều 19. *Xử lý hóa đơn có sai sót*

1. *Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế.”*

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty phát hiện hóa đơn điện tử đã lập và được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót, sau đó lập hóa đơn khác thay thế thì Công ty phải gửi thông báo theo mẫu 04/SS-HĐĐT đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang trả lời để Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Thương mại tổng hợp THA biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Các phòng: NVDTPC, TTKT, KK;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT. (Th 8b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hoàng Thanh Phong